

Số: **B2**, ngày 15 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 193/2025/TLST- DS ngày 06 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1968; CCCD: 048068000992; Địa chỉ: C A, tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông **Phan Văn T1**, sinh năm 1972; CCCD: 048072000997; Địa chỉ: A A, tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Lê Thị Minh T2**, sinh năm 1977; CCCD: 048177000611 (vợ ông Phan Văn T1); Địa chỉ: A A, tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Bà **Phan Thị Anh T3**, sinh năm 2000; CCCD: 048300000476 (con ông Phan Văn T1). Địa chỉ: A A, tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Cháu **Trần Phan Như Q**, sinh năm 2023; CCCD: 048323003090. (Con gái bà T3) Người đại diện: Bà **Phan Thị Anh T3**.

Bà **Phan Thị Thu H**, sinh năm 2002; CCCD: 048302000537 (con ông Phan Văn T1). Địa chỉ: A A, tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1959; CCCD: 049159001955 (vợ ông Phan Văn N) Địa chỉ: E A, tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Bà **Phan Thị H1**, sinh năm 1985; CCCD: 048185000908 (con ông Phan Văn N); Địa chỉ: C T, tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Ông **Phan Văn D**, sinh năm 1987; CCCD: 048087002201 (con ông Phan Văn N); Địa chỉ: E A, tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Bà **Phan Thị B**, sinh năm 1989; CCCD: 048189000362 (con ông Phan Văn N); Địa chỉ: K đường L, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Bà **Phan Thị L1**, sinh năm 1965; CCCD: 048165007331; Địa chỉ: Tổ G, phường N, thành phố Đà Nẵng.

Ông **Phan Văn T4**, sinh năm 1969; CCCD: 048069002690; Địa chỉ: E A, tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng.

Bà **Phan Thị B1**, sinh năm 1974; CCCD: 048174005224; Địa chỉ: K đường K, Tổ C, phường N, thành phố Đà Nẵng.

Bà **Hồ Thị M**, sinh năm 1976; CCCD: 048176000937; Địa chỉ: 4 đường L, phường N, thành phố Đà Nẵng.

Ông **Ho Elvis V** (tên trước đây tại Việt Nam: **Phan Văn N1** còn có tên gọi khác là **Hồ Văn N2**, sinh năm 1962, hộ chiếu số: A45043601 do Hoa Kỳ cấp ngày 25/7/2024, địa chỉ cư trú: 676 B, L, G); Ông **Ho Elvis V** uỷ quyền cho ông **Phan Hữu N3** theo Văn bản uỷ quyền số 2874 ngày 02/3/2026 tại Văn phòng C2.

Ông **Ho Tu V1** (tên trước đây tại Việt Nam: **Phan Văn T5** còn có tên gọi khác là **Hồ Văn T6**, sinh năm 1965, hộ chiếu số A40231841 do Hoa Kỳ cấp ngày 26/02/2024 địa chỉ cư trú: 5219 P, L C); Ông **Ho Tu V1** uỷ quyền cho ông **Phan Hữu N3** theo Văn bản uỷ quyền số 2873 ngày 02/3/2026 tại Văn phòng C2.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về hàng thừa kế: Các đương sự xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan Văn C (còn gọi là Hồ Văn C1) và cụ Ngô Thị G gồm có 09 (chín) người con gồm: Ông **Phan Văn T**; ông **Phan Văn T1**; ông **Phan Văn N** (chết năm 1990; có vợ là Huỳnh Thị L và 3 người con là Phan Văn D, Phan Thị H1 và Phan Thị B); bà **Phan Thị L1**; ông **Phan Văn T4**; bà **Phan Thị B1**; bà **Hồ Thị M**, ông **Ho Elvis V** và ông **Ho Tu V1**.

2/ Về di sản thừa kế: Các ông, bà: ông Phan Văn T; ông Phan Văn T1; bà Huỳnh Thị L và 3 cháu Phan Văn D, Phan Thị H1 và Phan Thị B; bà Phan Thị L1; ông Phan Văn T4; bà Phan Thị B1; bà Hồ Thị M, ông Ho Elvis V và ông Ho Tu V1 cùng xác định di sản thừa kế của cụ Phan Văn C và cụ Ngô Thị G là nhà và đất có diện tích: 57,4m² tại thửa đất số: 315, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ: Lô B khu H, Khu dân cư A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng được UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 005196 ngày 26 tháng 6 năm 2020, do ông Phan Văn T1 là người đại diện cho các đồng thừa kế theo pháp luật đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông

Phan Văn C (chết) và bà Ngô Thị G (chết). Giá trị tài sản theo Chứng thư thẩm định giá số 430/2026/141 của Công ty cổ phần T8 giá và dịch vụ tài chính BTC miền T7 là: 6.450.533.448 đồng (Sáu tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, năm trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm bốn mươi tám đồng).

3/ Về sự thống nhất chia di sản thừa kế: Các ông, bà: ông Phan Văn T; bà Huỳnh Thị L và 3 cháu Phan Văn D, Phan Thị H1 và Phan Thị B; bà Phan Thị L1; ông Phan Văn T4; bà Phan Thị B1; bà Hồ Thị M, ông Ho Elvis V và ông Ho Tu V1 cùng thống nhất giao cho ông Phan Văn T1 được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ nhà và đất có diện tích: 57,4m² tại thửa đất số: 315, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ: Lô B khu H, Khu dân cư A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng được UBND quận S, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 005196 ngày 26 tháng 6 năm 2020, do ông Phan Văn T1 là người đại diện cho các đồng thừa kế theo pháp luật đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Phan Văn C (chết) và bà Ngô Thị G (chết).

4/ Các ông, bà: ông Phan Văn T; bà Huỳnh Thị L và 3 cháu Phan Văn D, Phan Thị H1 và Phan Thị B; bà Phan Thị L1; ông Phan Văn T4; bà Phan Thị B1; bà Hồ Thị M, ông Ho Elvis V và ông Ho Tu V1 cùng thống nhất tặng cho toàn bộ kỹ phần được hưởng cho ông Phan Văn T1.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

5/ Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) ông Phan Văn T tự nguyện chịu (đã nộp tạm ứng và chi xong).

Chi phí thẩm định giá 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) ông Phan Văn T tự nguyện chịu (đã nộp tạm ứng và chi xong).

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn T1 tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.225.267 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho ông Phan Văn T số tiền 3.571.429 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0002834 ngày 06 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hai